

DO * M.S.C.N.92
TF

C
AO

Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam

Báo cáo Tài chính cho năm tài chính
kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012
kèm theo Báo cáo Kiểm toán Độc lập

Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mục lục

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1
Báo cáo Kiểm toán Độc lập	4
Bảng Cân đối Kế toán	6
Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo Tài chính	10

Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam

Báo cáo Tài chính cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

1. Thông tin về Công ty

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam (tên cũ là Công ty Cổ phần Cavico Khoáng sản và Công nghiệp) tiền thân là Công ty Cổ phần Cavico Khai thác Khoáng sản, một công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103019882 ngày 3 tháng 9 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này đã được sửa đổi nhiều lần và đến ngày 1 tháng 4 năm 2010 đã được thay thế bởi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102381001. Tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này, Công ty cũng bổ sung ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ lên 57 tỷ đồng. Sau đó Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty tiếp tục được sửa đổi như sau:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi

Lần 6 ngày 8 tháng 11 năm 2010

Nội dung sửa đổi

Thay đổi địa chỉ trụ sở chính và một số thông tin liên quan.

Lần 7 ngày 1 tháng 8 năm 2011

Tăng vốn điều lệ lên 74,26 tỷ đồng.

Lần 8 ngày 25 tháng 6 năm 2012

Thay đổi tên Công ty, địa chỉ trụ sở chính, vốn cổ phần của cổ đông sáng lập và bổ sung thông tin về văn phòng đại diện tại Quảng Ngãi.

Vốn điều lệ của Công ty ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 74,26 tỷ đồng

Hiện nay, cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là CMI.

1.2. Địa chỉ Công ty

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tầng 7, Tòa nhà AP, số 58, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Công ty có 1 văn phòng đại diện đặt tại thôn Huy Măng, xã Sơn Dung, huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

1.3. Lĩnh vực và hoạt động kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty hoạt động chủ yếu trong các lĩnh vực sau:

- Kinh doanh, chế biến, khai thác mỏ, đá, cát, sỏi, kim loại màu và các loại khoáng sản (trừ loại nhả nước cấm);
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, khu chế xuất, khu giải trí;
- Buôn bán máy móc, thiết bị công nghệ ngành chế biến khoáng sản;
- Sản xuất và buôn bán vật liệu xây dựng và vật liệu trang trí nội ngoại thất;
- Tư vấn đầu tư;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Xuất nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa Công ty kinh doanh;
- Kinh doanh xăng dầu, thiết bị xăng dầu, nhớt;
- Kinh doanh bất động sản.

Trong năm 2012, hoạt động chủ yếu của Công ty là khai thác đá, cho thuê máy móc thiết bị và kinh doanh dầu mỏ phụ.

Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam

Báo cáo Tài chính cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

1.4. Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có 39 nhân viên (2011: 72 nhân viên).

2. Đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán, Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam, đã kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và sẵn sàng chấp thuận được tiếp tục chỉ định là đơn vị kiểm toán của Công ty.

3. Thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Thành viên của Hội đồng quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Thanh Hiệp	Chủ tịch	26 tháng 4 năm 2012	-
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên	26 tháng 4 năm 2012	-
Ông Nguyễn Hữu Trung	Thành viên	26 tháng 4 năm 2012	-
Ông Trần Thanh Hữu	Thành viên	5 tháng 3 năm 2012	-
Ông Nguyễn Đức Mạnh	Thành viên	26 tháng 4 năm 2012	-
Ông Trần Thanh Hải	Chủ tịch	4 tháng 9 năm 2007	25 tháng 4 năm 2012
Ông Trương Xuân Đoàn	Thành viên	4 tháng 9 năm 2007	25 tháng 4 năm 2012
Ông Trần Thanh Hiệp	Thành viên	4 tháng 9 năm 2007	25 tháng 4 năm 2012
Ông Phạm Minh Phúc	Thành viên	4 tháng 9 năm 2007	25 tháng 4 năm 2012
Ông Đặng Minh Toàn	Thành viên	4 tháng 9 năm 2007	25 tháng 4 năm 2012

Thành viên của Ban Kiểm soát Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hữu Chung	Trưởng ban	26 tháng 4 năm 2012	-
Ông Lê Văn Phương	Thành viên	26 tháng 4 năm 2012	-
Ông Kiều Việt Cường	Thành viên	26 tháng 4 năm 2012	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Oanh	Thành viên	2 tháng 6 năm 2011	26 tháng 4 năm 2012
Ông Nguyễn Bá Nam	Thành viên	2 tháng 6 năm 2011	26 tháng 4 năm 2012

Thành viên của Ban Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Thanh Hiệp	Tổng Giám đốc	8 tháng 1 năm 2010	-
Ông Nguyễn Hữu Trung	Phó Tổng Giám đốc	1 tháng 9 năm 2009	-
Ông Nguyễn Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	9 tháng 10 năm 2007	-
Ông Trần Thanh Hữu	Phó Tổng Giám đốc	26 tháng 4 năm 2012	-

4. Xác nhận của Ban Giám đốc

Tôi, Trần Thanh Hiệp, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam, đại diện cho Ban Giám đốc xác nhận rằng, theo ý kiến của Ban Giám đốc, bảng cân đối kế toán kèm theo của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, và các báo cáo liên quan về kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam

Báo cáo Tài chính cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



TRẦN THANH HIỆP

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: 12-01-022B

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán kèm theo của Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam ("Công ty") tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, và các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày được lập ngày 10 tháng 5 năm 2013, như được trình bày từ trang 6 đến trang 30. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính dựa vào quá trình kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và tiến hành kiểm toán nhằm có được cơ sở hợp lý để kết luận rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai phạm và sai sót trọng yếu. Quá trình kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng hỗ trợ cho các số liệu và giải trình trong các báo cáo tài chính. Trong quá trình kiểm toán, chúng tôi cũng đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành hoặc các chuẩn mực và chế độ kế toán được chấp nhận (nếu có) tại Việt Nam bao gồm cả việc xem xét các nguyên tắc kế toán được sử dụng, các ước tính kế toán và các xét đoán quan trọng do bộ phận quản lý thực hiện, cũng như cách trình bày báo cáo tài chính nói chung. Chúng tôi tin rằng quá trình kiểm toán đã cung cấp các cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế kiểm toán

Đến ngày lập báo cáo này, chúng tôi cũng chưa được cung cấp báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần Cavico Đầu tư và Phát triển Địa ốc. Do đó, chúng tôi không có cơ sở để đánh giá giá trị làm căn cứ cho việc trích lập dự phòng giảm giá (nếu có) của khoản đầu tư đang được ghi nhận trên báo cáo tài chính kèm theo với giá trị là 939 triệu đồng.

Ngoài ra, đến ngày lập báo cáo này chúng tôi chưa nhận được thu xác nhận cho các khoản phải thu thương mại và phải thu khác từ Công ty Cổ phần Cavico Giao thông với giá trị lần lượt là khoảng 8,87 tỷ đồng và 802 triệu đồng. Chúng tôi cũng không thể thực hiện được thủ tục kiểm toán nào khác để đảm bảo tính hiện hữu và đầy đủ của các khoản mục này và cũng không thể đánh giá được các ảnh hưởng đến các khoản mục khác liên quan đến Công ty Cổ phần Cavico Giao thông như được trình bày trong báo cáo tài chính kèm theo.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của các vấn đề đã được trình bày trên đây, các báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên mọi khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, và kết quả kinh doanh cũng như lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



PHẠM THẾ HƯNG

Giam đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên

Số: 0495/KTV

HÀ NỘI

Ngày 10 tháng 5 năm 2013

NGUYỄN TIẾN DŨNG

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên

Số: 0800/KTV

Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam

Bảng cân đối Kế toán
tại ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31.12.2012	31.12.2011
A. Tài sản ngắn hạn	100		81.727.691.116	95.746.466.117
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		25.283.412	169.557.514
1. Tiền	111	3	25.283.412	169.557.514
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		59.076.016.896	72.919.620.149
1. Phải thu khách hàng	131		43.734.892.905	27.945.774.748
2. Trả trước cho người bán	132		8.080.772.927	30.374.895.143
5. Các khoản phải thu khác	135	4	9.929.746.987	15.503.139.423
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	5	(2.669.395.923)	(904.189.165)
IV. Hàng tồn kho	140		9.767.855.168	10.340.608.245
1. Hàng tồn kho	141	6	9.767.855.168	10.340.608.245
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.858.535.640	12.316.680.209
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	33.344.931	586.819.328
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	15	-	295.049.759
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	12.825.190.709	11.434.811.122
B. Tài sản dài hạn	200		89.085.005.439	68.953.927.847
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.349.151.342	1.085.045.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		1.817.659.128	-
4. Phải thu dài hạn khác	214		531.492.214	1.085.045.000
II. Tài sản cố định	220		85.383.636.073	61.227.321.878
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	6.545.765.432	9.309.744.695
- Nguyên giá	222		12.162.408.891	13.793.004.925
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.616.643.459)	(4.483.260.230)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	10	-	4.881.274.764
- Nguyên giá	225		-	6.230.792.891
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(1.349.518.127)
3. Tài sản cố định vô hình	227	11	8.949.791.673	9.282.291.669
- Nguyên giá	228		9.987.000.000	9.987.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.037.208.327)	(704.708.331)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	69.888.078.968	37.754.010.750
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		939.489.622	5.133.984.863
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	5.133.984.863
3. Đầu tư dài hạn khác	258	13	939.489.622	1.177.036.428
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		-	(1.177.036.428)
V. Tài sản dài hạn khác	260		412.728.402	1.507.576.106
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	412.728.402	999.096.106
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	508.480.000
Tổng cộng tài sản	270		170.812.696.555	164.700.393.964

Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam

Bảng cân đối Kế toán

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	31.12.2012	31.12.2011
A. Nợ phải trả	300		103.976.709.087	98.815.908.481
I. Nợ ngắn hạn	310		90.917.575.835	89.089.903.049
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	48.000.645.025	67.237.369.898
2. Phải trả người bán	312		6.471.135.368	7.340.418.571
3. Người mua trả tiền trước	313		77.153.166	250.658.833
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	7.115.246.821	5.043.920.329
5. Phải trả người lao động	315		2.221.681.177	4.527.383.654
6. Chi phí phải trả	316	17	4.861.189.828	1.383.911.615
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	18	22.206.128.882	3.341.844.581
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(35.604.432)	(35.604.432)
II. Nợ dài hạn	330		13.059.133.252	9.726.005.432
4. Vay và nợ dài hạn	334	16	13.059.133.252	9.726.005.432
B. Vốn chủ sở hữu	400		66.835.987.468	65.884.485.483
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	66.835.987.468	65.884.485.483
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		74.260.000.000	74.260.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.279.400.000	3.279.400.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		752.388.779	752.388.779
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		138.955.389	138.955.389
10. Lỗ lũy kế	420		(11.594.756.700)	(12.546.258.685)
Tổng cộng nguồn vốn	440		170.812.696.555	164.700.393.964

Các chỉ tiêu ngoài Bảng Cân đối Kế toán:

Chỉ tiêu	31.12.2012	31.12.2011
4. Nợ khó đòi đã xử lý	1.206.640.803	

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 10 tháng 5 năm 2013

TRẦN THANH HIỆP
 Tổng Giám đốc

NGUYỄN VĂN HÙNG
 Kế toán trưởng

Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam

Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
1. Doanh thu	01	20	32.430.230.023	108.805.312.613
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	(139.101.775)	(339.799.603)
3. Doanh thu thuần	10		32.291.128.248	108.465.513.010
4. Giá vốn hàng bán	11	22-23	(27.765.339.047)	(109.995.995.153)
5. Lợi nhuận gộp	20		4.525.789.201	(1.530.482.143)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	959.911.793	59.569.302
7. Chi phí tài chính	22	25	(5.310.657.957)	(4.733.736.684)
Trong đó: chi phí lãi vay	23		(5.110.657.957)	(3.378.993.656)
8. Chi phí bán hàng	24	26	(73.143.603)	(2.074.913.268)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	27	(7.143.696.730)	(6.272.057.924)
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		(7.041.797.296)	(14.551.620.717)
11. Thu nhập khác	31	28	25.395.354.498	1.348.519.881
12. Chi phí khác	32	29	(16.461.463.172)	(342.777.195)
13. Lợi nhuận khác	40		8.933.891.326	1.005.742.686
14. Lợi nhuận trước thuế	50		1.892.094.030	(13.545.878.031)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	15	(542.306.595)	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế	60		1.349.787.435	(13.545.878.031)
18. Lãi cơ bản trên cổ phần	70	30	182	(1.977)

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 10 tháng 5 năm 2013



NGUYỄN VĂN HÙNG
Kế toán trưởng

Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam

Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ (phương pháp gián tiếp)

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	2012	2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.892.094.030	(13.545.878.031)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao và phân bổ	02	3.338.328.039	5.441.303.178
Các khoản dự phòng	03	588.170.330	2.081.225.593
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(10.972.503.602)	(325.888.989)
Chi phí lãi vay	06	15.647.345.540	3.549.500.256
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	10.493.434.337	(2.799.737.993)
Thay đổi các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	26.706.080.737	(13.867.338.323)
Thay đổi hàng tồn kho	10	572.753.077	2.023.942.608
Thay đổi các khoản phải trả	11	15.910.700.495	(8.126.341.328)
Thay đổi chi phí trả trước	12	553.474.397	(100.900.267)
Tiền lãi vay đã trả	13	(9.429.288.971)	(7.225.881.104)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(398.285.450)	(360.289.756)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	44.408.868.622	(30.456.546.163)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(41.076.702.457)	(23.318.115.287)
2. Thu từ thanh lý nhượng bán tài sản cố định	22	8.695.500.000	417.000.000
4. Thu hồi cho vay, bán công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	450.000.000
5. Chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(939.791.500)
6. Thu hồi vốn góp vào các đơn vị khác	26	-	1.210.000.000
7. Thu lãi tiền gửi và lãi cho vay	27	144.384.059	25.675.795
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(32.236.818.398)	(22.155.230.992)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Thu từ phát hành cổ phần	31	-	20.539.400.000
3. Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	67.034.495.919	177.408.096.575
4. Chi trả nợ gốc vay	34	(79.350.820.245)	(138.071.671.883)
5. Chi trả nợ thuê tài chính	35	-	(1.124.318.181)
6. Cổ tức lợi nhuận đã trả	36	-	(6.436.673.090)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(12.316.324.326)	52.314.833.421
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(144.274.102)	(296.943.734)
Tiền tồn đầu năm	60	169.557.514	466.501.248
Tiền tồn cuối năm	70	25.283.412	169.557.514

Các khoản giao dịch không bằng tiền trọng yếu trong năm như sau:

Nội dung	2012	2011
Thanh lý TSCĐ chưa thu tiền	12.700.223.237	-
Thanh lý khoản đầu tư dài hạn chưa thu tiền	5.133.984.863	-
Thanh lý TSCĐ thuê tài chính và bù trừ vào nợ thuê tài chính	3.587.272.727	-
Các khoản bù trừ công nợ phải thu	(847.087.688)	-
Các khoản bù trừ công nợ phải trả	(1.284.060.350)	-
Góp vốn vào công ty con bằng chi phí thành lập	-	237.244.928

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 10 tháng 5 năm 2013

TranThanhHiep
TRẦN THANH HIỆP
Tổng Giám đốc

NGUYỄN VĂN HÙNG
Kế toán trưởng

Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

1. Tổ chức và hoạt động chính

Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam ("Công ty"), tên cũ là Công ty Cổ phần Cavico Khoáng sản và Công nghiệp, tiền thân là Công ty Cổ phần Cavico Khai thác Khoáng sản, một công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103019882 ngày 3 tháng 9 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này đã được sửa đổi nhiều lần và đến ngày 1 tháng 4 năm 2010 đã được thay thế bởi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102381001. Tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này, Công ty cũng bổ sung ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ lên 57 tỷ đồng. Sau đó Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty tiếp tục được sửa đổi như sau:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi

Lần 6 ngày 8 tháng 11 năm 2010

Nội dung sửa đổi

Thay đổi địa chỉ trụ sở chính và một số thông tin liên quan.

Lần 7 ngày 1 tháng 8 năm 2011

Tăng vốn điều lệ lên 74,26 tỷ đồng.

Lần 8 ngày 25 tháng 6 năm 2012

Thay đổi tên Công ty, địa chỉ trụ sở chính, vốn cổ phần của cổ đông sáng lập và bổ sung thông tin về văn phòng đại diện tại Quảng Ngãi.

Vốn điều lệ của Công ty ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 74,26 tỷ đồng.

Hiện nay, cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là CMI.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tầng 7, Tòa nhà AP, số 58, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Công ty có 1 văn phòng đại diện đặt tại thôn Huy Măng, xã Sơn Dung, huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty hoạt động chủ yếu trong các lĩnh vực sau:

Kinh doanh, chế biến, khai thác mỏ, đá, cát, sỏi, kim loại màu và các loại khoáng sản (trừ loại nhà nước cầm);

Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, khu chế xuất, khu giải trí;

- Buôn bán máy móc, thiết bị công nghệ ngành chế biến khoáng sản;
- Sản xuất và buôn bán vật liệu xây dựng và vật liệu trang trí nội ngoại thất;
- Tư vấn đầu tư;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Xuất nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa Công ty kinh doanh;
- Kinh doanh xăng dầu, thiết bị xăng dầu, nhớt;
- Kinh doanh bất động sản.

Trong năm 2012, hoạt động chủ yếu của Công ty là khai thác đá, cho thuê máy móc thiết bị và kinh doanh dầu mỏ phụ.

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

2.2. Cơ sở lập báo cáo

Báo cáo tài chính được lập bằng đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định về kế toán hiện hành tại Việt Nam. Do đó, bảng cân đối kế toán và các báo cáo liên quan về kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng chúng không được lập cho những người không được thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và phương pháp kế toán của Việt Nam, và hơn nữa, không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ, phù hợp với các nguyên tắc và phương pháp kế toán được thừa nhận chung ở các nước và thể chế khác ngoài Việt Nam.

2.3. Áp dụng Luật Kế toán và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam

a) Luật Kế toán

Trong năm, Công ty đã tuân thủ Luật Kế toán ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2003 và Nghị định kèm theo số 129/2004/NĐ-CP ban hành ngày 31 tháng 5 năm 2004 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán áp dụng trong hoạt động kinh doanh.

b) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam

Trong năm, Công ty đã áp dụng Ché độ Kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, và trong phạm vi liên quan, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện.

2.4. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

a) Nguyên tắc xác định các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Tiền mặt là khoản tồn quỹ tại Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền gửi ngân hàng là các khoản gửi tại các ngân hàng được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam tại ngày kết thúc năm tài chính.

b) Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại ngày kết thúc năm tài chính.

c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, Công ty sử dụng tỷ giá quy đổi ngoại tệ theo quy định tại Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh;
- Các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm cuối năm tài chính. Trường hợp ngân hàng thương mại này không công bố tỷ giá của đồng ngoại tệ đó thì phải quy đổi thông qua tỷ giá của một số đơn vị ngoại tệ chủ yếu mà Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố theo tỷ giá giao dịch bình quân của các ngân hàng tại thời điểm đánh giá lại.

Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Trong năm, Công ty thực hiện xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 và Thông tư 179 nói trên, cụ thể như sau:

- Trong giai đoạn sản xuất, kinh doanh, kể cả việc đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định khi Công ty đang hoạt động, chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các giao dịch bằng ngoại tệ sẽ được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính;
- Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Công ty không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên **khoản lãi chênh lệch tỷ giá** do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

2.5. Công cụ tài chính

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2011, Công ty đã áp dụng quy định tại Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 về hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"). Theo đó, các chính sách kế toán về việc ghi nhận, xác định và trình bày các khoản mục tài sản và công nợ tài chính được thể hiện trong phần *Thuyết minh* này hoặc các *Thuyết minh* về các khoản mục liên quan trong báo cáo tài chính này.

Các công cụ tài chính được phân loại như tài sản, các khoản nợ hoặc nguồn vốn phù hợp với những điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng. Tiền lãi, các khoản lãi/lỗ liên quan đến các công cụ tài chính được phân loại như một khoản nợ và được ghi nhận như chi phí hoặc thu nhập. Phần phân phôi cho các chủ sở hữu của công cụ tài chính được phân loại thành nguồn vốn và ghi nhận trực tiếp trong nguồn vốn. Các công cụ tài chính được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp và dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc thực hiện ghi nhận trong tài sản và thanh toán nợ phải trả vào cùng một thời điểm.

2.6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá của Ban Giám đốc về các khoản nợ không có khả năng thu hồi.

Các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo:

- Nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới một năm hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho, bao gồm sản phẩm dở dang, được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được, sau khi lập dự phòng cho các loại hàng hư hỏng, lỗi thời. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ các chi phí tiếp thị và phân phối sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá vốn hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chi phí sản xuất kinh doanh (SXKD) dở dang cuối kỳ hoạt động xây lắp được xác định như sau:

$$\text{Chi phí SXKD dở dang cuối kỳ từng công trình} = \frac{\text{Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ từng công trình}}{\text{Chi phí SXKD dở dang phát sinh trong kỳ từng công trình}} - \frac{\text{Giá vốn ghi nhận trong kỳ của từng công trình}}{\text{Giá vốn ghi nhận trong kỳ}}$$

Trong đó:

$$\text{Giá vốn từng công trình} = \frac{\text{Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ}}{\text{Giá trị sản lượng thực hiện dở dang đầu kỳ (không bao gồm thuế GTGT)}} + \frac{\text{Chi phí SXKD phát sinh trong kỳ}}{\text{Giá trị sản lượng thực hiện trong kỳ (không bao gồm thuế GTGT)}} \times \text{Doanh thu ghi nhận trong kỳ}$$

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời ...) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kế thúc kỳ kế toán năm. Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không được sử dụng nữa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế trực thu và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng, như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, thường được hạch toán vào hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt quá tiêu chuẩn hoạt động đánh giá ban đầu của tài sản, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Tài sản	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	2 - 10
Máy móc và thiết bị	2 - 7
Phương tiện vận tải	3 - 7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

2.9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo Chuẩn mực kế toán số 04 - "Tài sản cố định vô hình", ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 và Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực trên.

a) Phần mềm máy tính

Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

b) Quyền khai thác khoáng sản

Quyền khai thác khoáng sản thể hiện quyền khai thác đá tại mỏ đá Thung Xán thuộc xã Liên Hợp và xã Châu Lộc, huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An theo Giấy phép số 2291/GP-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 30 tháng 11 năm 2009 ("Giấy phép"). Đây là tài sản góp vốn của Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam. Giá trị của quyền khai thác khoáng sản này được các cổ đông sáng lập Công ty xác định theo biên bản định giá số 150/BBĐG/HĐQT-2009 ngày 1 tháng 12 năm 2009. Quyền khai thác khoáng sản được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian Công ty được phép khai thác đá là 30 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép.

2.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh giá trị xây dựng đường lên mỏ đá, nhà xưởng và máy móc thiết bị chưa được hoàn thành việc xây dựng và lắp đặt và được thể hiện theo nguyên giá. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được trích khấu hao cho tới khi các tài sản đó hoàn thành và được đưa vào sử dụng.

2.11. Các khoản đầu tư

a) Ghi nhận ban đầu các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư bao gồm quyền sở hữu các loại cổ phần, chứng khoán, các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết, công ty khác, trái phiếu và các khoản cho vay. Giá trị ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá trị đầu tư thực tế. Việc phân loại các khoản đầu tư này thành ngắn hạn (đến 1 năm) hay dài hạn (trên 1 năm) phụ thuộc vào thời gian thu hồi dự kiến của Công ty hoặc theo quy định của pháp luật cũng như các thỏa thuận ràng buộc giữa Công ty và bên nhận đầu tư.

b) Hạch toán các khoản đầu tư sau khi ghi nhận ban đầu

Các khoản cổ tức nhận được từ các khoản đầu tư vào cổ phần, chứng khoán, công ty con, công ty liên kết, công ty khác và lãi nhận được từ trái phiếu, các khoản cho vay sau ngày thực hiện các khoản đầu tư được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ, ngoại trừ các khoản chia cổ tức của giai đoạn trước khi đầu tư sẽ được hạch toán giảm giá trị ban đầu các khoản đầu tư. Ngoài ra, từ năm 2010 các khoản cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được ghi nhận tăng số lượng cổ phần mà không hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

c) Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được trích lập nhằm phản ánh chênh lệch giữa giá trị đầu tư theo sổ sách với giá trị thị trường tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Việc trích lập dự phòng được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành cho từng khoản đầu tư thuộc sở hữu của Công ty. Cụ thể như sau:

- i) Giá thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở giá khớp lệnh tại ngày lập dự phòng (giá bình quân đối với cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), giá đóng cửa đối với các cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX)).
- ii) Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.
- iii) Đối với chứng khoán của các công ty chưa niêm yết đang được giao dịch tự do trên thị trường chứng khoán phi tập trung (OTC) thì giá thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp bởi tối thiểu ba (3) công ty chứng khoán.

Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

- iv) Đối với các chứng khoán đầu tư dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) thì mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của Công ty so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

2.12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay gồm:

- (a) Lãi tiền vay ngắn hạn, lãi tiền vay dài hạn, kể cả lãi tiền vay trên các khoản thầu chi;
(b) Chi phí tài chính của tài sản thuê tài chính.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó). Chi phí đi vay được vốn hóa khi Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Tài sản dở dang là tài sản đang trong quá trình đầu tư xây dựng và tài sản đang trong quá trình sản xuất cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán.

2.13. Chi phí chờ phân bổ và chi phí trả trước dài hạn

Chi phí chờ phân bổ được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản mục này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế dự kiến được tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ 2 đến 3 năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Chi phí thuê hoạt động trả trước.

2.14. Các khoản phải trả người bán

Các khoản phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả cho nhà cung cấp tài sản, vật tư, hàng hóa, dịch vụ... được theo dõi chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong trường hợp vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa có hóa đơn thì kế toán sử dụng giá tạm tính để ghi sổ tri giá các khoản phải trả và hàng nhập chưa có hóa đơn này. Sau đó kế toán thực hiện điều chỉnh theo giá thực tế khi đã có hóa đơn.

Các khoản chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán của người bán được hạch toán tương ứng với khoản phải trả có liên quan để ghi giảm số nợ phải trả phát sinh ban đầu.

2.15. Trích trợ cấp thôi việc

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp với mức đóng bởi mỗi bên là 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên và 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009.

2.16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại.

Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

2.17. Nguồn vốn chủ sở hữu

a) Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận trên cơ sở số vốn thực tế đã góp.

b) Ghi nhận cổ tức

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Cổ tức được công bố từ phần lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn hợp pháp của từng cổ đông.

2.18. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo tỷ lệ phần trăm của số giờ công lao động phát sinh cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán trên tổng số giờ công lao động ước tính cho mỗi hợp đồng.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được các chi phí đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

2.19. Hợp đồng xây dựng

a) *Doanh thu của hợp đồng xây dựng bao gồm:*

- (i) Doanh thu ban đầu được ghi trong hợp đồng;
- (ii) Các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thường và các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Doanh thu của hợp đồng xây dựng được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Căn cứ để xác định doanh thu từ hợp đồng xây dựng là khối lượng công việc hoàn thành theo công trình hoặc hạng mục công trình và đơn giá hợp đồng mới nhất được duyệt. Khối lượng công việc hoàn thành là khối lượng đã được chủ đầu tư hoặc đại diện chủ đầu tư xác nhận thông qua Biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành, hoặc Bảng tổng hợp giá trị thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành, hoặc Bảng tổng hợp khối lượng xây lắp hoàn thành v.v...

b) *Chi phí của hợp đồng xây dựng bao gồm:*

- (i) Chi phí liên quan trực tiếp đến từng hợp đồng;
- (ii) Chi phí chung liên quan đến hoạt động của các hợp đồng và có thể phân bổ cho từng hợp đồng cụ thể (bao gồm cả chi phí đi vay nếu thỏa mãn các điều kiện chi phí đi vay được vốn hóa theo quy định);
- (iii) Các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng.

c) *Ghi nhận doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng:*

- (i) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính.
- (ii) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ.
- (iii) Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

2.20. Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

2.21. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

2.22. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình tài chính của Công ty tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được phản ánh trên báo cáo tài chính. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính nếu trọng yếu.

Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

2.23. Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong các mẫu báo cáo của Hệ thống Kế toán Việt Nam không thể hiện trên các báo cáo tài chính thì được hiểu là có số dư bằng không.

3. Tiền

Nội dung	31.12.2012	31.12.2011
Tiền mặt tại quỹ	2.877.640	5.413.727
Tiền gửi ngân hàng	22.405.772	164.143.787
	25.283.412	169.557.514

4. Các khoản phải thu khác

Nội dung	31.12.2012	31.12.2011
Phải thu các tổ chức	7.975.725.309	6.516.184.126
Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam	4.988.717.309	-
Công ty Cổ phần Trường Sơn	1.651.000.000	1.764.000.000
Công ty Cổ phần Cavico Giao thông	802.000.000	802.000.000
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hầm	120.000.000	120.000.000
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Thủy điện	100.000.000	100.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Năng lượng	114.008.000	90.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Thảo Nam	200.000.000	-
Các công ty khác	-	3.640.184.126
Phải thu các cá nhân	1.954.021.678	8.986.955.297
Nguyễn Huy Liêm	1.429.079.678	2.138.691.041
Nguyễn Văn Hùng	417.000.000	1.470.110.000
Các cá nhân khác	107.942.000	5.378.154.256
	9.929.746.987	15.503.139.423

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Nội dung	31.12.2012	31.12.2011
Các khoản phải thu khách hàng	2.619.395.923	904.189.165
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Thủy điện	269.001.708	-
Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên	194.027.700	-
Công ty Cổ phần Thương mại & Công Nghiệp Việt Phát	2.057.490.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy Lợi 42	30.732.782	-
Công ty TNHH Thành Thủ	27.927.979	-
Công ty Cổ phần Thương mại & Công nghiệp Hải Hà	29.582.613	-
Công ty TNHH Khoáng sản và Công nghiệp CMI - Lào	-	904.189.165
Các khoản khác	10.633.141	-
Các khoản phải thu khác	50.000.000	-
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Thủy điện	50.000.000	
	2.669.395.923	904.189.165

Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

6. Hàng tồn kho

Nội dung	31.12.2012	31.12.2011
Hàng mua đang đi đường	-	115.943.186
Nguyên liệu, vật liệu	362.257.565	664.549.968
Hàng hóa	115.943.186	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang:	9.289.654.417	9.560.115.091
<i>Mỏ đá Quỳ Hợp</i>	5.617.872.675	5.370.704.155
<i>Mỏ sắt Yên Bái</i>	1.450.703.966	-
<i>Dự án Vũng Áng</i>	2.221.077.776	-
<i>Dự án Dakrinh</i>	-	4.189.410.936
	9.767.855.168	10.340.608.245

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

Nội dung	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ trong năm	Số dư cuối năm
Công cụ, dụng cụ	280.950.295	727.489.931	(1.008.440.226)	-
Chi phí bảo hiểm trả trước	14.940.000	9.065.000	(24.005.000)	-
Chi phí sửa chữa máy móc	15.032.500	-	(15.032.500)	-
Chi phí thuê xe, vận chuyển	3.030.303	-	(3.030.303)	-
Chi phí thuê văn phòng, kho bãi	15.982.501	-	(15.982.501)	-
Chi phí khác	256.883.729	99.379.000	(322.917.798)	33.344.931
	586.819.328	835.933.931	(1.389.408.328)	33.344.931

8. Tài sản ngắn hạn khác

Nội dung	31.12.2012	31.12.2011
Tạm ứng	12.532.746.265	10.177.250.982
Ký quỹ tại ngân hàng	292.444.444	1.257.560.140
	12.825.190.709	11.434.811.122

9. Tài sản cố định hữu hình

Nội dung	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	809.188.436	7.441.199.967	5.248.155.151	294.461.371	13.793.004.925
Tăng trong năm	-	1.313.467.022	166.611.014	-	1.480.078.036
Thanh lý trong năm	(27.200.000)	(2.051.286.817)	(997.929.195)	(34.258.058)	(3.110.674.070)
Phân loại lại	-	(11.000.000)	-	11.000.000	-
Số dư cuối năm	781.988.436	6.692.380.172	4.416.836.970	271.203.313	12.162.408.891
Giá trị hao mòn					
Số dư đầu năm	80.099.417	2.449.458.144	1.764.224.437	189.478.232	4.483.260.230
Khấu hao trong năm	83.191.618	995.555.584	669.955.663	55.731.910	1.804.434.775
Thanh lý trong năm	(20.399.995)	(420.384.712)	(213.434.283)	(16.832.556)	(671.051.546)
Phân loại lại	-	(3.513.889)	-	3.513.889	-
Số dư cuối năm	142.891.040	3.021.115.127	2.220.745.817	231.891.475	5.616.643.459
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	729.089.019	4.991.741.823	3.483.930.714	104.983.139	9.309.744.695
Số dư cuối năm	639.097.396	3.671.265.045	2.196.091.153	39.311.838	6.545.765.432

Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, nguyên giá và giá trị còn lại của số tài sản cố định hữu hình được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay Công ty nhận được lần lượt là 6,48 tỷ đồng và 3,17 tỷ đồng.
- Nguyên giá của số tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn đang được sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là khoảng 368 triệu đồng (2011: 320 triệu đồng).

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Nội dung	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	810.000.000	5.420.792.891	6.230.792.891
Thanh lý trong năm	(810.000.000)	(5.420.792.891)	(6.230.792.891)
Số dư cuối năm			
Giá trị hao mòn			
Số dư đầu năm	67.500.000	1.282.018.127	1.349.518.127
Khấu hao trong năm	67.500.000	451.732.741	519.232.741
Thanh lý trong năm	(135.000.000)	(1.733.750.868)	(1.868.750.868)
Số dư cuối năm			
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	742.500.000	4.138.774.764	4.881.274.764
Số dư cuối năm	-	-	-

11. Tài sản cố định vô hình

Nội dung	Quyền khai thác khoáng sản (*)	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	9.975.000.000	12.000.000	9.987.000.000
Số dư cuối năm	9.975.000.000	12.000.000	9.987.000.000
Giá trị hao mòn			
Số dư đầu năm	692.708.331	12.000.000	704.708.331
Khấu hao trong năm	332.499.996	-	332.499.996
Số dư cuối năm	1.025.208.327	12.000.000	1.037.208.327
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	9.282.291.669	-	9.282.291.669
Số dư cuối năm	8.949.791.673	-	8.949.791.673

- (*) Quyền khai thác khoáng sản thể hiện quyền khai thác mỏ đá hoa thuộc khu vực Thung Xán, xã Liên Hợp và xã Châu Lộc, huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An theo Giấy phép hoạt động khoáng sản số 2291/GP-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 30 tháng 11 năm 2009 ("Giấy phép"). Đây là tài sản góp vốn của Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam. Giá trị của quyền khai thác khoáng sản này được các cổ đông sáng lập Công ty xác định theo biên bản định giá số 150/BBĐG/HĐQT-2009 ngày 1 tháng 12 năm 2009. Hiện nay, Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam đang thực hiện các thủ tục pháp lý để chuyển tên trong Giấy phép sang tên Công ty.

Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Nội dung	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối năm
Mỏ Quỳ Hợp	11.197.019.703	457.621.678	(480.928.677)	11.173.712.704
Xây dựng đường Mỏ Quỳ Hợp	6.485.579.496	15.000.000	-	6.500.579.496
Chi phí chung dự án Mỏ Quỳ Hợp	1.229.619.569	423.434.590	-	1.653.054.159
Xây dựng trạm nghiền tại Quỳ Hợp	1.057.429.718	-	-	1.057.429.718
Xây dựng xưởng xẻ đá Quỳ Hợp	461.741.589	19.187.088	(480.928.677)	
Đường trong mỏ Thung Xán	1.962.649.331	-	-	1.962.649.331
Cụm nhà máy Nam Cát	15.585.545.398	19.255.576.586	-	34.841.121.984
Xây dựng Nhà máy bột đá CaCO3 (Vinh)	11.261.415.348	529.073.910	-	11.790.489.258
Xây dựng nhà máy đá nhân tạo cao cấp	4.324.130.050	18.726.502.676	-	23.050.632.726
Dự án khác	10.971.445.649	19.787.633.334	(6.885.834.703)	23.873.244.280
Các dự án mỏ sắt tại Yên Bái	4.158.379.918	19.670.364.541	(6.820.734.703)	17.008.009.756
Dự án mỏ đá xây dựng Hòa Bình	65.100.000	-	(65.100.000)	-
Dự án bất động sản Mẽ Trí	6.747.965.731	117.268.793	-	6.865.234.524
	37.754.010.750	39.500.831.598	(7.366.763.380)	69.888.078.968

Chi phí khấu hao tài sản cố định và chi phí lãi vay được vốn hóa trong chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm lần lượt là 706.300.092 đồng và 9.393.147.663 đồng.

13. Đầu tư dài hạn khác

Nội dung	31.12.2012	31.12.2011
Công ty TNHH Khoáng sản và Công nghiệp CMI - Lào		1.177.036.428
Công ty Cổ phần Cavico Đầu tư và Phát triển Địa ốc	939.489.622	
	939.489.622	1.177.036.428

14. Chi phí trả trước dài hạn

Nội dung	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ trong năm	Số dư cuối năm
Công cụ, dụng cụ	715.185.973	95.792.823	(398.250.394)	412.728.402
Thuê máy xúc PC20-8, ô tô Dong Feng	283.910.133	-	(283.910.133)	-
	999.096.106	95.792.823	(682.160.527)	412.728.402

Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

15. Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước

Nội dung	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối năm
<u>Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ</u>				
Thuế giá trị gia tăng đầu vào	295.049.759	2.113.279.458	(2.408.329.217)	
	295.049.759	2.113.279.458	(2.408.329.217)	
<u>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</u>				
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	3.648.246.190	(2.161.889.293)	1.486.356.897
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.415.759.580	542.306.595	-	3.958.066.175
Thuế thu nhập cá nhân	728.186.749	42.663.000	-	770.849.749
Thuế tài nguyên	899.974.000	-	-	899.974.000
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	5.043.920.329	4.236.215.785	(2.164.889.293)	7.115.246.821

15.1. Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật hiện hành.

15.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

a) Thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cụ thể như sau:

Nội dung	2012	2011
Lợi nhuận thuần trước thuế	1.892.094.030	(13.545.878.031)
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận	13.823.010.381	-
Chi phí không có chứng từ hợp lý, hợp lệ	12.339.951.364	
Xử lý nợ xấu	1.206.640.803	
Chi phí khấu hao không phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh	256.418.214	
Phạt vi phạm hành chính	20.000.000	
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế	15.715.104.411	(13.545.878.031)
Lỗ năm trước chuyển sang	(13.545.878.031)	-
Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ hiện hành	2.169.226.380	(13.545.878.031)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả ước tính (25%)	542.306.595	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả đầu năm	3.415.759.580	3.415.759.580
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả trong năm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả cuối năm	3.958.066.175	3.415.759.580

Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

15.3. Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

16. Vay và nợ

Nội dung	31.12.2012	31.12.2011
Vay ngắn hạn	42.045.579.525	62.072.858.330
Vay ngân hàng	36.967.028.779	46.608.916.730
Vay bên liên quan	-	1.533.341.600
Vay các tổ chức khác	3.620.550.746	4.650.000.000
Vay cá nhân	1.458.000.000	9.280.600.000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	5.955.065.500	5.164.511.568
Vay ngân hàng	5.955.065.500	3.015.814.600
Nợ thuê tài chính	-	2.148.696.968
Vay và nợ dài hạn	13.059.133.252	9.726.005.432
Vay ngân hàng	13.059.133.252	7.928.702.400
Nợ thuê tài chính	-	1.797.303.032
	61.059.778.277	76.963.375.330

16.1. Chi tiết các khoản vay và nợ như sau:

Nội dung	Kỳ hạn vay (tháng)	Thời hạn trả nợ	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo	Số dư 31.12.2012
Vay ngắn hạn					42.045.579.525
Vay ngân hàng					36.967.028.779
Ngân hàng Nho & PTNT - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt	6-10	Từ 6/7/2012 đến 27/4/2013	13-15%	Tài sản	31.308.112.185
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương - Chi nhánh Hoàn Kiếm	6	Từ 20/7 đến 24/9/2012	17,5%	Tài sản	4.658.916.594
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương - Chi nhánh Hai Bà Trưng	6-10	Từ 28/2 đến 30/8/2012	18-21%	Tài sản	1.000.000.000
Vay tổ chức					3.620.550.746
Công ty Cổ phần Chứng khoán Tràng An	12	10/11/2012	21,6%	Tín chấp	3.620.550.746
Vay cá nhân					1.458.000.000
Cá nhân khác	-	-	24%	Tín chấp	1.458.000.000
Vay dài hạn					19.014.198.752
Vay ngân hàng					19.014.198.752
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Đông	72	24/3/2017	24%	Tài sản	5.272.407.092
Ngân hàng Nho & PTNT - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt	60	30/6/2016	14,5-15%	Tài sản	13.741.791.660
					61.059.778.277

Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

17. Chi phí phải trả

Nội dung	31.12.2012	31.12.2011
Lãi vay phải trả	4.711.241.834	1.383.911.615
Chi phí thuê xe	149.947.994	-
	4.861.189.828	1.383.911.615

18. Các khoản phải trả, phải nộp khác

Nội dung	31.12.2012	31.12.2011
Bảo hiểm xã hội	378.564.900	185.531.900
Bảo hiểm y tế	18.987.000	13.762.000
Bảo hiểm thất nghiệp	51.991.000	37.399.000
Kinh phí công đoàn	113.509.600	101.431.400
Công ty Cổ phần Thương mại XD & Đầu tư Hoàng Long	10.573.499.294	-
Ông Nguyễn Hữu Chung	4.371.838.389	
Ông Trần Thanh Hiệp	2.085.310.609	-
Ông Trần Thanh Hải	1.780.000.000	1.030.380.000
Ông Nguyễn Văn Hùng	712.029.019	-
Ông Nguyễn Hữu Trung	565.000.000	-
Bà Trần Thị Hồng	540.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây lắp Nam Việt	236.923.145	252.685.738
Ông Trần Thanh Hữu	230.000.000	-
Bà Phạm Thị Ngoan	146.000.000	-
Công ty Cổ phần Siêu thị Thuốc Việt	115.000.000	-
Phải trả khác	287.475.926	1.720.654.543
	22.206.128.882	3.341.844.581

Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

19. Vốn chủ sở hữu

19.1. Tình hình biến động nguồn vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lỗ lũy kế	Tổng cộng
Số dư 31.12.2010	57.000.000.000	-	304.910.779	138.955.389	9.144.597.346	66.588.463.514
Tăng vốn trong năm	17.260.000.000	3.279.400.000	-	-	-	20.539.400.000
Lỗ trong năm					(13.545.878.031)	(13.545.878.031)
Trích các quỹ trong năm			447.478.000	-	(447.478.000)	-
Chia cổ tức trong năm			-	-	(5.700.000.000)	(5.700.000.000)
Chi phụ cấp HĐQT và BKS	-	-	-	-	(272.000.000)	(272.000.000)
Thưởng CBCNV giai đoạn 2008-2010	-	-	-	-	(1.725.500.000)	(1.725.500.000)
Số dư 31.12.2011	74.260.000.000	3.279.400.000	752.388.779	138.955.389	(12.546.258.685)	65.884.485.483
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	1.349.787.435	1.349.787.435
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	(398.285.450)	(398.285.450)
Số dư 31.12.2012	74.260.000.000	3.279.400.000	752.388.779	138.955.389	(11.594.756.700)	66.835.987.468

Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

19.2. Tình hình biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

Nội dung	2012	2011
Vốn cổ phần đầu năm	74.260.000.000	57.000.000.000
Vốn cổ phần tăng trong năm	-	17.260.000.000
Vốn cổ phần giảm trong năm	-	-
Vốn cổ phần cuối năm	74.260.000.000	74.260.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã tạm chia	-	5.700.000.000

19.3. Cổ phần

Nội dung	31.12.2012	31.12.2011
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	7.426.000	7.426.000
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	7.426.000	7.426.000
Cổ phần thường	7.426.000	7.426.000
Số lượng cổ phần đang lưu hành	7.426.000	7.426.000
Cổ phần thường	7.426.000	7.426.000

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.

20. Doanh thu

Nội dung	2012	2011
Doanh thu từ dự án thủy điện Dakrinh	27.338.282.837	26.206.327.666
Doanh thu cho thuê máy móc, thiết bị	4.168.717.949	-
Doanh thu bán dầu, nhớt và hàng hóa khác	923.229.237	79.561.351.142
Doanh thu bán đá và gia công xẻ đá tại mỏ Quỳ Hợp	-	3.037.633.805
	32.430.230.023	108.805.312.613

21. Các khoản giảm trừ doanh thu

Nội dung	2012	2011
Chiết khấu thương mại hoạt động bán dầu	139.101.775	339.799.603
	139.101.775	339.799.603

22. Giá vốn hàng bán

Nội dung	2012	2011
Giá vốn của dự án thủy điện Dakrinh	26.475.335.414	33.361.011.641
Giá vốn cho thuê máy móc, thiết bị	353.652.760	-
Giá vốn bán dầu, nhớt và hàng hóa khác	936.350.873	76.539.907.220
Giá vốn bán đá và gia công xẻ đá tại mỏ Quỳ Hợp	-	95.076.292
	27.765.339.047	109.995.995.153

Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

23. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Nội dung	2012	2011
Chi phí mua dầu, nhớt và hàng hóa khác	1.298.121.894	75.717.696.103
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	5.756.520.820	13.905.475.513
Chi phí nhân công trực tiếp	1.082.140.000	3.011.276.000
Chi phí nhân công gián tiếp	1.364.902.000	1.609.161.454
Chi phí dụng cụ sản xuất	621.534.649	142.556.526
Chi phí khấu hao	1.485.348.656	1.876.911.800
Chi phí giá vốn của Công ty Cổ phần Cavico Giao thông	11.575.722.329	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.287.027.116	8.751.913.740
Chi phí lãi vay	943.539.920	2.669.476.206
Chi phí khác	195.964.175	538.423.124
	27.610.821.559	108.222.890.466

24. Doanh thu hoạt động tài chính

Nội dung	2012	2011
Lãi tiền gửi	144.384.059	25.675.795
Lãi cho vay	815.527.734	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	33.893.507
	959.911.793	59.569.302

25. Chi phí tài chính

Nội dung	2012	2011
Lãi tiền vay	5.110.657.957	3.378.993.656
Lãi thuê tài chính	200.000.000	170.506.600
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	1.177.036.428
Chi phí tài chính khác	-	7.200.000
	5.310.657.957	4.733.736.684

26. Chi phí bán hàng

Nội dung	2012	2011
Chi phí nhân viên bán hàng	16.184.126	169.273.280
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	18.507.737
Chi phí khấu hao	1.810.300	3.911.666
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.149.177	1.824.389.920
Chi phí khác	-	58.830.665
	73.143.603	2.074.913.268

Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Nội dung	2012	2011
Chi phí nhân viên quản lý	1.916.820.246	2.112.255.993
Chi phí vật liệu quản lý	36.384.296	7.559.667
Chi phí đồ dùng văn phòng	199.571.477	210.201.864
Chi phí khấu hao	206.290.253	253.557.198
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	2.669.395.923	904.189.165
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.938.331.212	2.490.686.775
Chi phí khác	173.903.323	290.607.262
	7.143.696.730	6.272.057.924

28. Thu nhập khác

Nội dung	2012	2011
Chuyển nhượng quyền khai thác mỏ sắt Thác Cá - Yên bái	19.000.000.000	-
Thanh lý tài sản cố định hữu hình	1.246.338.699	417.000.000
Thanh lý tài sản cố định thuê tài chính	3.587.272.727	-
Thanh lý xưởng xẻ đá Quỳ Hợp	1.090.909.091	
Thanh lý công cụ dụng cụ	58.475.447	7.020.000
Tiền chiết khấu mua dầu mỏ phụ được hưởng	-	635.783.026
Thu nhập khác	412.358.534	288.716.855
	25.395.354.498	1.348.519.881

29. Chi phí khác

Nội dung	2012	2011
Chi phí chuyển nhượng mỏ sắt Thác Cá - Yên Bái	6.820.734.703	-
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình thanh lý	2.439.622.524	116.786.806
Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính thanh lý	4.362.042.024	-
Chi phí thanh lý TSCĐ thuê tài chính	299.818.183	-
Chi phí thanh lý xưởng xẻ đá Quỳ Hợp	945.339.529	-
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ thanh lý	37.747.192	30.355.389
Xử lý nợ xấu	1.206.640.803	-
Chi phí khấu hao không phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh	256.418.214	
Phạt vi phạm hành chính	20.000.000	-
Chi phí khác	73.100.000	195.635.000
	16.461.463.172	342.777.195

Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

30. Lãi cơ bản trên cổ phần

Nội dung	2012	2011
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông		
- Lợi nhuận thuần trong năm	1.349.787.435	(13.545.878.031)
- Cổ tức chia cho cổ phần ưu đãi	-	-
Lợi nhuận thuần chia cho cổ đông phổ thông	1.349.787.435	(13.545.878.031)
Số lượng cổ phần phổ thông bình quân trong năm		
- Số lượng cổ phần đầu năm	7.426.000	5.700.000
- Số lượng cổ phần bình quân phát hành trong năm	-	1.150.667
- Số lượng cổ phần bình quân mua lại trong năm	-	-
Số lượng cổ phần bình quân trong năm	7.426.000	6.850.667
Lãi cơ bản trên cổ phần	182	(1.977)

31. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

31.1. Trong năm, các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Giá trị
Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam	Cổ đông sáng lập	Cho thuê xe	3.600.000.000
		Thanh lý TSCĐ thuê tài chính	3.587.272.727
		Phải thu khác	4.080.000.000
		Chi phí san lấp mặt bằng	11.515.827.272
		Chi phí xây tường rào	924.110.000
Trần Thanh Hiệp	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Tạm ứng	1.045.635.000
		Phải trả khác	2.545.310.609
Nguyễn Hữu Trung	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	Thu hồi tiền cho vay	863.929.645
		Phải trả khác	565.000.000
Nguyễn Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	Tạm ứng	8.350.444.158
		Thu hồi tiền cho vay	1.053.110.000
		Phải trả khác	712.029.019
Trần Thanh Hữu	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	Tạm ứng	183.944.094
Lê Văn Phương	Thành viên BKS	Tạm ứng	127.650.000
Nguyễn Hữu Chung	Trưởng BKS	Phải trả khác	4.371.838.389

31.2. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Phải thu/ (phải trả)
Phải thu khách hàng			
Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam	Cổ đông sáng lập	Thanh lý và cho thuê TSCĐ	6.614.580.983
Các khoản phải thu khác			
Nguyễn Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	Phải thu khác	417.000.000
Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam	Cổ đông sáng lập	Phải thu khác	4.988.717.309

Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Phải thu/ (phải trả)
Tạm ứng			
Trần Thanh Hiệp	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Tạm ứng	2.019.547.658
Nguyễn Hữu Trung	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	Tạm ứng	3.048.435.031
Nguyễn Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	Tạm ứng	4.134.958.856
Trần Thanh Hữu	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	Tạm ứng	428.281.991
Kiều Việt Cường	Thành viên BKS	Tạm ứng	43.178.500
Lê Văn Phương	Thành viên BKS	Tạm ứng	274.347.280
Phải trả người bán			
Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam	Cổ đông sáng lập	Chi phí thầu phụ	(3.502.458.549)
Các khoản phải trả khác			
Nguyễn Hữu Trung	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	Phải trả khác	(565.000.000)
Trần Thanh Hiệp	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Phải trả khác	(2.085.310.609)
Nguyễn Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	Phải trả khác	(712.029.019)
Trần Thanh Hữu	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	Phải trả khác	(230.000.000)
Nguyễn Hữu Chung	Trưởng BKS	Phải trả khác	(4.371.838.389)

31.3. Các giao dịch khác với các bên liên quan

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc:

Nội dung	2012	2011
Lương, thưởng và phụ cấp	791.812.726	2.590.217.000
	791.812.726	2.590.217.000

32. Phê chuẩn báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính này được phê chuẩn để phát hành ngày 10 tháng 5 năm 2013.



NGUYỄN VĂN HÙNG
Kế toán trưởng